

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/09/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Đình Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mỹ Nhung.
2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2021/TLST – HNGĐ, ngày 13 tháng 07 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 08 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2021 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hạnh D, sinh năm: 1986 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Hạnh D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu H sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 03/05/2012. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng rất hay cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm lẫn nhau. Khi chị vừa sinh con đang ở nhà mẹ đẻ tại Thôn P3, xã E thì anh H không nói tiếng nào bỏ về nhà anh ở Thôn 2B, xã C để sinh sống và từ ngày 15/04/2013 đã cho đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân, ai biết bổn phận người đó không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã ly thân hơn 8 năm nên không còn cơ hội quay về đoàn tụ, vì vậy nay chị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Khôi V, sinh ngày 08/04/2013. Kể từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân thì cháu V đang do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị D khi ly hôn là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Krông Pắc đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Nguyễn Hữu H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 08 năm 2021 của đại diện Ban tự quản Thôn 2B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và biên bản xác minh ngày 09 tháng 08 năm 2021 của đại diện Ban tự quản, Chi hội phụ nữ Thôn P3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho biết: Vợ chồng chị D, anh H sống chung với nhau không hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân được 8 năm, vợ chồng hoàn toàn bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản

1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cho chị Võ Thị Hạnh D ly hôn với anh Nguyễn Hữu H; Giao cháu Nguyễn Khôi V cho chị Võ Thị Hạnh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Võ Thị Hạnh D, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Võ Thị Hạnh D khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Hữu H có nơi cư trú tại Thôn 2B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Võ Thị Hạnh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hữu H đã được Toà án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên toà để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Hạnh D và anh Nguyễn Hữu H có đăng ký kết hôn tại UBND xã C theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 03/05/2012, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không hợp tính nhau, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Theo kết quả xác minh của chính quyền địa phương cho thấy vợ chồng chị D và anh H chung sống với nhau không hạnh phúc và đã sống ly thân được 8 năm, vợ chồng hoàn toàn bỏ mặc nhau, không qua lại thăm nom, chăm sóc gì nhau nữa. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị D về việc cho chị ly hôn với anh H là có cơ sở pháp luật.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Khôi V, sinh ngày 08/04/2013. Nguyên vọng của chị D là

xin được nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, cháu V đã trên 7 tuổi và nguyện vọng của cháu cũng xin được ở với mẹ. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì anh H làm nông và đi làm thuê để sinh sống nhưng đang sống chung với bố mẹ chưa có tài sản riêng, trong khi đó chị D đã có nhà cửa ổn định, hiện nay đang làm thuê cho người khác thu nhập hàng tháng khoảng gần 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) có thu nhập ổn định, có đầy đủ mọi điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, mặt khác hiện nay cháu Nguyễn Khôi V đang được chị D chăm sóc tốt. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, hiện nay cháu V có nguyện vọng ở với mẹ và bản thân chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Nguyễn Khôi V cho chị Võ Thị Hạnh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu V đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị Hạnh D phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hạnh D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Hạnh D được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khôi V, sinh ngày 08/04/2013 cho chị Võ Thị Hạnh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Hạnh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Võ Thị Hạnh D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 60AA/2021/0006453 ngày 12 tháng 07 năm 2021.

Nguyên đơn chị Võ Thị Hạnh D, bị đơn anh Nguyễn Hữu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lữ Đình Tính